

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt
Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY
30 THÁNG 6 NĂM 2011**



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 28

509723
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KINH DOANH
KHÍ HÓA LỎNG
MIỀN NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Thắng	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất từng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH
KHÍ HÓA LỎNG
MIỀN NAM

Đoàn Văn Nhuộm

Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2011

Số: 56/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 28. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 19 tháng 8 năm 2011
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

27372
NHÂN
NG TY
EM HỮ
OIT
T N
HÀ NỘ
HOC

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.332.107.634.724	1.184.124.553.416
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	340.343.620.774	349.978.091.548
1. Tiền	111		185.921.820.774	270.978.091.548
2. Các khoản tương đương tiền	112		154.421.800.000	79.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		83.100.000.000	71.100.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	83.100.000.000	71.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		647.775.394.875	571.881.759.825
1. Phải thu khách hàng	131		547.748.186.766	510.222.265.986
2. Trả trước cho người bán	132		62.135.219.764	26.720.728.508
3. Các khoản phải thu khác	135		40.894.493.860	39.646.262.528
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.002.505.515)	(4.707.497.197)
IV. Hàng tồn kho	140	7	203.021.396.851	135.238.805.745
1. Hàng tồn kho	141		203.021.396.851	135.238.805.745
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.867.222.224	55.925.896.298
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.720.058.315	13.662.327.343
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.962.402.337	37.408.503.690
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.184.761.572	4.855.065.265
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.572.266.581.862	1.301.446.931.294
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.938.671.073	6.160.047.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		16.938.671.073	6.160.047.000
II. Tài sản cố định	220		1.061.056.425.915	913.071.616.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	918.174.072.641	783.738.491.028
- Nguyên giá	222		1.132.459.873.188	933.712.544.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(214.285.800.547)	(149.974.053.023)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	79.287.044.372	54.268.768.464
- Nguyên giá	225		85.413.598.970	55.482.747.970
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.126.554.598)	(1.213.979.506)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	19.078.282.729	19.218.888.100
- Nguyên giá	228		20.520.426.401	20.520.426.401
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.442.143.672)	(1.301.538.301)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	44.517.026.173	55.845.469.344
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		103.652.852.528	64.893.919.082
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	63.652.852.528	64.893.919.082
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	40.000.000.000	-
IV. Lợi thế thương mại	260	15	26.156.573.484	-
V. Tài sản dài hạn khác	270		364.462.058.862	317.321.348.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	16	364.462.058.862	316.886.220.203
2. Tài sản dài hạn khác	278		-	435.128.073
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2.904.374.216.586	2.485.571.484.710



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.003.699.896.941	1.921.862.273.195
I. Nợ ngắn hạn	310		1.338.824.666.902	1.349.370.260.047
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	276.504.069.278	288.514.610.651
2. Phải trả người bán	312		959.731.287.877	907.842.272.469
3. Người mua trả tiền trước	313		1.119.126.013	1.469.145.357
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	20.337.843.782	37.081.115.384
5. Phải trả người lao động	315		15.505.768.275	19.778.771.837
6. Chi phí phải trả	316		37.704.390.442	37.283.051.935
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	20.317.704.006	51.699.420.180
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.604.477.229	5.701.872.234
II. Nợ dài hạn	330		664.875.230.039.00	572.492.013.148
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	137.122.486.805	129.298.514.249
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	525.622.488.990	438.965.635.371
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.130.254.244	2.227.863.528
4. Quỹ phát triển khoa học kỹ thuật	339		-	2.000.000.000
B. NGUỒN VỐN	400		700.967.609.369	350.639.273.403
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	700.967.609.369	350.639.273.403
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	158.756.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.199.153.910	2.454.149.698
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		127.055.964.804	104.188.557.128
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		23.254.018.686	13.022.716.368
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		124.458.471.969	72.217.850.209
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	23	199.706.710.276	213.069.938.112
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.904.374.216.586	2.485.571.484.710



Đoàn Văn Nhậm
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.663.937.609.361	1.507.166.548.672
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.664.140.133	18.252.133.675
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.640.273.469.228	1.488.914.414.997
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		2.185.236.358.662	1.397.714.051.663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		455.037.110.566	91.200.363.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	18.092.930.065	13.983.995.623
7. Chi phí tài chính	22	27	54.938.499.420	7.806.208.875
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.218.928.156	7.792.194.945
8. Chi phí bán hàng	24		142.450.625.233	56.536.880.008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		49.069.143.635	10.667.941.479
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		226.671.772.343	30.173.328.595
11. Thu nhập khác	31		9.044.994.603	643.753.924
12. Chi phí khác	32		2.460.779.221	346.683.363
13. Lợi nhuận khác	40		6.584.215.382	297.070.561
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		233.255.987.725	30.470.399.156
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	26.379.592.912	504.559.232
16. Lợi nhuận sau thuế	60		206.876.394.813	29.965.839.924
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		23	63.314.481.298	-
- Cổ đông của Công ty			143.561.913.515	29.965.839.924
17. Lãi trên cổ phiếu	70	30	4.278	1.981



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng

372-
 HANH
 TY
 NHUOM
 (TT)
 NAI
 NỘI
 CH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	233.255.987.725	30.470.399.156
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	70.754.454.189	10.723.251.307
Các khoản dự phòng	03	(1.704.991.682)	(6.403.180.260)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.374.923.012	(1.344.818.893)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	16.837.534.822	(40.960.695.435)
Chi phí lãi vay	06	45.218.928.149	7.792.194.945
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	368.736.836.215	277.150.820
Tăng các khoản phải thu	09	(58.516.171.798)	(90.602.195.080)
Tăng/(Giảm) hàng tồn kho	10	(67.782.591.106)	46.093.999.226
Tăng các khoản phải trả	11	7.274.467.575	138.119.579.738
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	(53.633.569.631)	21.273.326.034
Tiền lãi vay đã trả	13	(39.210.415.665)	(7.546.055.364)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(43.489.784.897)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(32.690.377.798)	(1.971.513.295)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.688.392.895	105.644.292.079
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(180.337.728.846)	(129.680.347.180)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	28.781.703.657
3. Góp vốn vào đơn vị khác	24	(142.984.885.446)	(7.200.000.000)
4. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	26	(14.046.989.116)	12.059.283.820
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(337.369.603.408)	(96.039.359.703)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	264.989.004.212	10.640.380.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	394.001.840.903	26.691.158.872
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(320.102.744.017)	-
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(5.600.334.650)	-
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(86.241.026.709)	(3.130.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	247.046.739.739	34.201.438.872
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.634.470.774)	43.806.371.248
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	349.978.091.548	167.310.616.217
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	340.343.620.774	211.116.987.465



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 43.914.810.581 đồng (kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2010: 17.601.911.119 đồng) là số tiền chi cho mua sắm tài sản cố định phát sinh trong kỳ chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trong kỳ, Công ty con - Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông với số tiền là 37.499.430.000 đồng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trong báo cáo trên.



Đoàn Văn Nhuộm

Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty bao gồm Công ty mẹ và hai công ty con:

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 158.756.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số được sửa đổi ngày 24 tháng 2 năm 2011 với vốn điều lệ Công ty được điều chỉnh là 380.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty có các chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Cần Thơ, Nha Trang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Tiền Giang, Gia Lai, Quảng Ngãi, Bình Phước và Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 436 người (2010: 371 người).

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí;
- Tổ chức hệ thống phân phối, vận chuyển, đóng bình khí hóa lỏng và các vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh vận tải đường bộ, đường thủy;
- Thiết kế, xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng;
- Cung cấp dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải;
- Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và kinh doanh khí hóa lỏng;
- Kinh doanh xăng dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt.

Các công ty con:

1. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (sau đây gọi tắt là “CNG”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LNG, quy mô 50.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG và LNG.
2. Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “VT GAS”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm kể từ ngày 4 tháng 3 năm 1994 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 471023000142 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp theo như điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam là tồn trữ khí hóa lỏng (LPG) và cung ứng cho các hộ tiêu thụ tại Việt Nam; thiết kế, lắp đặt và bảo trì các hệ thống thiết bị sử dụng gas.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam



Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

1972
G T
HAI
OAI
LO
NA
HOC

11/2027
CHINH
CONG
CHINH
DELO
VIET
(TP. H)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản khác	3 - 4

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể, đối với các phương tiện vận tải thuê tài chính, Công ty xác định thời gian khấu hao là 6 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền thuê, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Giá trị còn lại của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền đặt cọc còn lại chưa phân bổ vào doanh thu được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	4.137.739.095	6.225.985.525
Tiền gửi ngân hàng	181.675.246.707	264.752.106.023
Tiền đang chuyển	108.834.972	-
Các khoản tương đương tiền	154.421.800.000	79.000.000.000
	340.343.620.774	349.978.091.548

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi kỳ hạn trong vòng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại hưởng lãi suất từ 10,5% đến 14%/năm (2010: 8% đến 14,2%/năm).

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	80.000.000.000	68.000.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Khí	3.100.000.000	3.100.000.000
	83.100.000.000	71.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 14% đến 15% và khoản đầu tư mua 100.000 cổ phiếu PVGas với giá trị cổ phiếu là 31.000 đồng/cổ phiếu.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	42.544.834.801	40.392.495.393
Nguyên liệu, vật liệu	5.751.564.451	3.511.163.836
Công cụ, dụng cụ	2.108.319.644	279.716.848
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	624.984	12.740.911
Thành phẩm	-	225.755.479
Hàng hoá	152.616.052.971	90.816.933.278
	<u>203.021.396.851</u>	<u>135.238.805.745</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>203.021.396.851</u>	<u>135.238.805.745</u>

07/07/2011
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
CHỖ CHỮ

07/07/2011
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
CHỖ CHỮ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2011	353.306.576.093	396.963.435.629	151.843.258.624	8.754.135.385	22.845.138.320	933.712.544.051
Mua sắm mới	438.049.346	2.519.495.598	28.587.974	399.517.636	594.791.465	3.980.442.019
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.157.227.994	96.480.590.233	103.262.405.841	-	-	201.900.224.068
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(15.996.190)	-	(15.996.190)
Điều chỉnh khác	4.605.523.670	(4.605.523.670)	-	-	-	-
Phân loại lại	-	(7.117.340.760)	-	-	-	(7.117.340.760)
Tại ngày 30/6/2011	360.507.377.103	484.240.657.030	255.134.252.439	9.137.656.831	23.439.929.785	1.132.459.873.188
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2011	44.950.388.313	44.330.554.372	38.296.259.848	6.407.924.294	15.988.926.196	149.974.053.023
Khấu hao trong kỳ	11.192.839.577	35.544.628.907	16.237.561.211	600.520.058	749.062.211	64.324.611.964
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(12.864.440)	-	(12.864.440)
Tại ngày 30/6/2011	56.143.227.890	79.875.183.279	54.533.821.059	6.995.579.912	16.737.988.407	214.285.800.547
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2011	304.364.149.213	404.365.473.751	200.600.431.380	2.142.076.919	6.701.941.378	918.174.072.641
Tại ngày 31/12/2010	308.356.187.780	352.632.881.257	113.546.998.776	2.346.211.091	6.856.212.124	783.738.491.028

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 73.664.218.914 đồng (31/12/2010: 61.072.096.841 đồng).

Như trình bày tại các thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị trị giá 192.293.744.693 đồng theo hợp đồng tín dụng số 1607 LAV 201000261 ngày 6 tháng 4 năm 2010, hợp đồng tín dụng số 1607 LAV 201000751 ngày 29 tháng 9 năm 2010 và hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HĐTH ngày 28 tháng 6 năm 2010, và giá trị tài sản cố định còn lại của Công ty CP CNG Việt Nam là công ty con của Công ty đã được hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 với giá trị là 211.022.416.446 đồng, để đảm bảo cho các khoản tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	47.933.998.993	7.548.748.977	55.482.747.970
Thuê tài chính trong kỳ	29.930.851.000	-	29.930.851.000
Tại ngày 30/06/2011	77.864.849.993	7.548.748.977	85.413.598.970
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	-	1.213.979.506	1.213.979.506
Khấu hao trong kỳ	4.283.512.677	629.062.415	4.912.575.092
Tại ngày 30/06/2011	4.283.512.677	1.843.041.921	6.126.554.598
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2011	73.581.337.316	5.705.707.056	79.287.044.372
Tại ngày 31/12/2010	47.933.998.993	6.334.769.471	54.268.768.464

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Thương hiệu VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Giá trị quyền thuê VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011 và 30/6/2011	13.570.369.823	1.464.370.376	1.197.678.956	4.288.007.246	20.520.426.401
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	105.409.864	79.166.977	1.116.961.460	-	1.301.538.301
Khấu hao trong kỳ	81.353.910	41.577.744	17.673.717	-	140.605.371
Tại ngày 30/6/2011	186.763.774	120.744.721	1.134.635.177	-	1.442.143.672
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	13.383.606.049	1.343.625.655	63.043.779	4.288.007.246	19.078.282.729
Tại ngày 31/12/2010	13.464.959.959	1.385.203.399	80.717.496	4.288.007.246	19.218.888.100

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 924.165.277 đồng (31/12/2010: 890.151.577 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Công trình trạm CNG Mỹ Xuân	1.008.313.169	-
Công trình Kho chứa LPG Dung Quất	60.000.000	-
Dự án cung cấp CNG cho giao thông vận tải	4.821.576.270	2.139.231.505
Dự án cung cấp CNG cho khách hàng Công nghiệp	343.479.976	22.897.834.738
Công trình nhà kho trạm Đồng Nai	-	166.035.566
Thuê đất ở KCN Hiệp Phước, Bắc Đồng Phú và Nhơn Hội	12.716.185.958	12.007.307.776
Trạm chiết nạp LPG Bình Phước	366.574.503	-
Trạm chiết nạp LPG Bình Định	288.564.211	-
Dự án CNG Việt Nam điều chỉnh	24.399.741.630	18.370.853.525
Dự án CNG Nhơn Trạch - Đồng Nai	230.283.139	230.283.139
Công trình khác	282.307.317	33.923.095
	44.517.026.173	55.845.469.344

Như trình bày tại các thuyết minh số 21, giá trị xây dựng cơ bản dở dang trị giá 24.399.741.630 đồng tại 30 tháng 6 năm 2011 (31/12/2010: 18.370.853.525 đồng) đã thế chấp để làm đảm bảo cho khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	60,35%	60,35%	Kinh doanh khí CNG
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	Đồng Nai	55%	55%	Kinh doanh khí hóa lỏng

Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 4.009.824 cổ phần của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Theo đó, đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty sở hữu 60,35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam và có tỷ lệ biểu quyết năm giữ theo Điều lệ của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam là 60,35%.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đầu tư vào các công ty liên kết	64.307.460.000	64.893.919.082
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(654.607.472)	-
	63.652.852.528	64.893.919.082

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	30/6/2011 VNĐ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	23,84%	23,84%	50.183.515.889	Cho thuê kho LPG
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	20%	20%	13.469.336.639	Sản xuất, kinh doanh vỏ bình

Theo Quyết định góp vốn số 01/QĐ-KMN ngày 24 tháng 3 năm 2009, tổng số vốn Công ty cam kết góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny là 50 tỷ đồng theo tiến độ thời gian là 3 năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp đủ số vốn góp đã cam kết.

Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Bình khí dầu khí Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2010 về việc thống nhất thành lập công ty cổ phần, tổng số vốn Công ty cam kết góp là 14.307.460.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp đủ vốn.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tổng tài sản	550.139.621.670	185.289.265.586
Tổng công nợ	339.609.735.812	22.936.762.943
Tài sản thuần	210.529.885.858	162.352.502.643
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	50.183.515.889	50.040.701.639

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	2010 VNĐ
Doanh thu	87.151.133.535	54.334.887.084
Lợi nhuận thuần	177.871.502	285.162.941
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	42.398.813	88.143.865

Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tổng tài sản	134.958.006.015	138.720.923.245
Tổng công nợ	67.611.322.818	64.454.836.030
Tài sản thuần	67.346.683.197	74.266.087.215
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	13.469.336.639	14.853.217.443

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	2010 VNĐ
Doanh thu	70.352.390.275	57.030.805.090
Lợi nhuận thuần	(1.995.442.929)	(565.864.214)
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(399.088.586)	(113.172.843)

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện khoản tiền gửi kỳ hạn 18 tháng của công ty con - Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn với mức lãi suất là 14%/năm (2010: không).

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế
thương mại
VNĐ

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 1/1/2011	-
Tăng do mua cổ phần công ty con	27.533.235.246
Tại ngày 30/6/2011	27.533.235.246

GIÁ TRỊ PHÂN BỐ

Tại ngày 1/1/2011	-
Phân bổ trong kỳ	1.376.661.762
Tại ngày 30/6/2011	1.376.661.762

Giá trị còn lại

Tại ngày 30/6/2011	26.156.573.484
Tại ngày 31/12/2010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ	266.611.008.645	252.466.881.499
Chi phí bảo trì bình gas	3.031.994.589	2.995.417.501
Trả trước tiền thuê đất	21.460.271.048	14.116.824.063
Trả trước thuê văn phòng	47.826.659.061	47.201.014.479
Chi phí khác	25.532.125.519	106.082.661
	364.462.058.862	316.886.220.203

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	252.466.881.499	121.583.401.009
Tăng do hợp nhất	-	76.738.615.316
Tăng thêm trong kỳ	84.510.725.085	93.765.031.773
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(70.212.064.652)	(37.047.975.980)
Thanh lý	(154.533.287)	(2.572.190.619)
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	266.611.008.645	252.466.881.499

(2) Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất tại Gò Dầu phản ánh số tiền thuê 9.210 m² được trả trước 5 năm cho Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2008;
- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A phản ánh số tiền thuê 6.675 m² trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008; và
- Tiền thuê diện tích 13.000 m² đất tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 đến ngày 12 tháng 9 năm 2053.

(3) Tiền thuê văn phòng trả trước phản ánh số tiền thuê 670,02 m² được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2010.**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Dương	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	-	26.706.301.818
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi	60.000.000.000	73.241.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	166.504.069.278	138.567.308.833
	276.504.069.278	288.514.610.651

Khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương theo hình thức tín chấp có thời hạn trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tổng dư nợ không vượt quá 50.000.000.000 đồng. Lãi vay được trả hàng tháng với lãi suất vay là 19,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

Khoản tín dụng ngắn hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Hồ Chí Minh theo hình thức tín chấp, có thời hạn vay đến ngày 9 tháng 5 năm 2012, chịu lãi suất 15%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế xuất, nhập khẩu	40.000	40.000
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.298.813.081	1.509.564.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.426.974.040	34.537.166.025
Thuế thu nhập cá nhân	612.016.661	1.034.344.804
	<u>20.337.843.782</u>	<u>37.081.115.384</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu bán hàng	1.513.227.914	992.853.409
Kinh phí công đoàn	494.421.847	290.601.571
Bảo hiểm xã hội	198.227.119	5.768.706
Bảo hiểm y tế	59.357.051	90.654.365
Bảo hiểm thất nghiệp	11.215.091	6.137.254
Cổ tức phải trả	-	32.193.929.115
Các khoản khác	18.041.254.984	18.119.475.760
	<u>20.317.704.006</u>	<u>51.699.420.180</u>

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	2011	2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1	129.298.514.249	61.000.303.224
Tăng do hợp nhất	-	70.697.129.593
Tăng thêm trong kỳ	20.459.543.819	26.648.855.442
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(6.305.343.387)	(25.286.195.014)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ vỏ bình gas với khách hàng	(729.660.000)	(1.977.741.879)
Kết chuyển vào thu nhập khác(**)	(5.600.567.876)	(1.783.837.117)
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	<u>137.122.486.805</u>	<u>129.298.514.249</u>

(*) Kết chuyển tiền nhận được từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng. Tổng giá trị tiền ký cược vỏ bình gas được ghi nhận vào doanh thu trong 6 tháng đầu năm 2011 là 6.305.343.387 đồng (trong năm 2010 là 25.286.971.767 đồng).

(**) Theo Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010, kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2010, tiền ký quỹ vỏ bình gas mới phát sinh được phân bổ vào thu nhập khác. Khoản tiền ký quỹ đã nhận được trước ngày 1 tháng 10 năm 2010 vẫn tiếp tục được phân bổ vào doanh thu trong kỳ.

030
CỔ
CỘNG
HỘI
HỘI
MIỀN
1-7

372-
ANH
TY
PHU
TTT
NAM
NỘI
C

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	284.182.865.853	322.644.937.750
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn	107.722.350.966	52.060.350.966
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	73.412.586.446	85.577.129.572
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	172.352.853.347	64.734.059.610
Tổng các khoản vay	637.670.656.612	525.016.477.898
Công ty TNHH 1 thành viên cho thuê tài chính – Sacombank	273.698.020	410.486.590
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	46.115.618.604	51.544.897.921
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	8.066.585.032	561.081.795
Tổng các khoản nợ dài hạn	54.455.901.656	52.516.466.306
Tổng cộng	692.126.558.268	577.532.944.204

Các khoản vay dài hạn

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay dài hạn các ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam. Gốc nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm 631.276.817.272 đồng; 3.078.757 euro và 5.491.757 đô la Mỹ. Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay euro tối thiểu 5,5% một năm và vay Việt Nam đồng là 8,3% đến 15% một năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG và các kho chứa Dung Quất, Gò Dầu. Công ty sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 8.

Ngoài ra, Công ty con đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Hợp đồng vay trung hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị cho dự án CNG Việt Nam. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với hạn mức tín dụng là 5.491.757 đô la Mỹ và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 7 năm 2012. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất một tháng bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,4% đối với đô la Mỹ và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,5% đối với đồng Việt Nam. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền được tạo ra từ tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Hợp đồng vay trung hạn với ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ cho dự án CNG Việt Nam điều chỉnh và dự án đầu tư 6 bồn và rơ moóc. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 208.000.000.000 đồng Việt Nam và đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng cộng 3,3%/năm đối với đồng Việt Nam và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm đối với đô la Mỹ. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền tạo ra từ các tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 tương đương là 211.022.416.446 đồng (31/12/2010: 157.913.301.509 đồng) và thế chấp giá trị xây dựng cơ bản dở dang trị giá 24.399.741.630 đồng tại 30 tháng 6 năm 2011 (31/12/2010: 18.370.853.525 đồng) làm đảm bảo cho khoản vay, như đã trình bày ở Thuyết minh số 8 và số 11.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Nợ dài hạn**

Nợ dài hạn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính có thời hạn thuê là 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính này chịu lãi suất cho thuê tài chính là 15% đến 16% một năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	166.504.069.278	138.567.308.833
Trong năm thứ hai	219.261.717.455	131.681.297.132
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	302.018.420.569	298.603.987.273
Sau năm năm	4.342.350.966	8.680.350.966
	692.126.558.268	577.532.944.204
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(166.504.069.278)</u>	<u>(138.567.308.833)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>525.622.488.990</u>	<u>438.965.635.371</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần đó có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản của Công ty.

Tại Nghị quyết số 02/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phát hành thêm 22.124.400 cổ phần, tương đương 221.244.000.000 đồng, để tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, vốn điều lệ sửa đổi của Công ty là 380.000.000.000 đồng (trước đây là 158.756.000.000 đồng) theo như được phê chuẩn tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305097236 ngày 24 tháng 2 năm 2011. Đến ngày 31 tháng 1 năm 2011, số cổ phần phát hành thêm này đã được các cổ đông góp đủ vốn. Vào ngày 25 tháng 2 năm 2011, số cổ phần tương ứng với phần vốn điều lệ tăng thêm đã được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận nguyên tắc niêm yết bổ sung.

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên cổ đông	Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại	
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	30/06/2011 <u>VNĐ</u>	31/12/2010 <u>VNĐ</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam	172.198.000.000	45,32	172.198.000.000	86.099.000.000
Các cổ đông khác	207.802.000.000	54,68	207.802.000.000	72.657.000.000
	380.000.000.000	100	380.000.000.000	158.756.000.000

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 38.000.000 cổ phần (31 tháng 12 năm 2010: 15.875.600 cổ phần). Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Nguồn vốn kinh doanh VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	150.000.000.000	-	8.067.984.108	3.860.010.782	30.315.645.202	192.243.640.092
Tăng vốn trong năm	8.756.000.000	2.454.149.698	-	-	-	11.210.149.698
Lãi trong năm	-	-	-	-	225.685.449.993	225.685.449.993
Trích từ lợi nhuận	-	-	96.120.573.020	9.521.552.728	(119.977.784.986)	(14.335.659.238)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(63.605.460.000)	(63.605.460.000)
Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(358.847.142)	-	(358.847.142)
Tại ngày 31/12/2010	158.756.000.000	2.454.149.698	104.188.557.128	13.022.716.368	72.217.850.209	350.639.273.403
Tăng vốn trong năm	221.244.000.000	43.745.004.212	-	-	-	264.989.004.212
Lãi trong năm	-	-	-	-	143.561.913.515	143.561.913.515
Trả cổ tức	-	-	-	-	(69.170.278.968)	(69.170.278.968)
Phân phối quỹ	-	-	22.867.407.676	10.231.302.318	(44.780.163.819)	(11.681.453.825)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	22.629.151.032	22.629.151.032
Tại ngày 30/06/2011	380.000.000.000	46.199.153.910	127.055.964.804	23.254.018.686	124.458.471.969	700.967.609.369

Theo Nghị quyết số 35/NQ-KVN của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khí Việt Nam ngày 7 tháng 3 năm 2011, Công ty đã tạm trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo tỷ lệ tương ứng 5% trên lợi nhuận sau thuế của kỳ kết thúc 30 tháng 6 năm 2011, Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo 3 tháng lương.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 22.867.407.676 đồng. Theo Quy chế Quản lý tài chính của Công ty, số trích lập các quỹ hàng năm của Công ty sẽ được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Theo Nghị quyết số 05/NQ-KMN của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam ngày 4 tháng 4 năm 2011, Công ty chia cổ tức đợt 2 năm 2010 là 11% mệnh giá tương đương 1.100 đồng/cổ phần tương ứng với số tiền 41.800.000.000 đồng. Số tiền này đã được chi trả ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Ngoài ra, Công ty con - Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21 tháng 1 năm 2011, Công ty đã công bố chi trả cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 40%/mệnh giá cổ phần trong đó 10% tương đương với số tiền là 12.500.000.000 đồng trả bằng tiền mặt và 30% tương đương với số tiền 37.499.430.000 đồng được thanh toán bằng việc phát hành 3.749.943 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam được hưởng số cổ phiếu tương đương 22.629.151.032 đồng, khoản này được điều chỉnh qua lợi nhuận giữ lại khi lập báo cáo hợp nhất.

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	VT GAS VNĐ	CNG VNĐ
Vốn điều lệ của công ty con	57.895.360.840	162.499.430.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Công ty	31.843.596.851	98.060.801.032
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	26.051.763.989	64.438.628.968
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	45,00%	60,35%

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	VT GAS VND	CNG VND	Tổng VND
Tài sản thuần	150.503.035.326	332.831.659.961	483.334.695.287
Chi tiết như sau:			
Vốn điều lệ	57.895.360.840	162.499.430.000	220.394.790.840
Vốn thặng dư	-	1.695.680.000	1.695.680.000
Các quỹ khác	-	47.999.559.453	47.999.559.453
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	32.991.866.474	-	32.991.866.474
Lợi nhuận chưa phân phối	59.615.808.012	120.636.990.508	180.252.798.520

Lợi ích của cổ đông thiểu số	67.723.380.579	131.983.329.697	199.706.710.276
Chi tiết như sau:			
Vốn điều lệ	26.051.763.989	64.438.628.968	90.490.392.957
Vốn thặng dư	-	672.416.478	672.416.478
Các quỹ khác	-	19.034.071.703	19.034.071.703
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	14.845.685.500	-	14.845.685.500
Lợi nhuận chưa phân phối	26.825.931.090	47.838.212.548	74.664.143.638

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho gian đoạn từ 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	VT GAS VND	CNG VND	Tổng VND
Lợi nhuận trong kỳ	13.946.377.174	118.046.767.415	131.993.144.589
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	6.275.593.094	57.038.888.204	63.314.481.298

24. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	1.577.433.091.376	930.821.633.246
Khu vực Nha Trang	197.025.472.992	205.003.749.958
Khu vực Cần Thơ	285.707.049.749	192.486.258.865
Khu vực Vũng Tàu	46.821.838.545	138.176.098.936
Khu vực khác	556.950.156.699	22.426.673.992
	2.663.937.609.361	1.488.914.414.997

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	1.283.188.153.603	1.306.867.402.256
Khu vực Nha Trang	369.236.368.236	95.767.054.733
Khu vực Cần Thơ	207.043.693.134	208.423.976.071
Khu vực Vũng Tàu	73.254.778.867	73.747.620.114
Khu vực Đồng Nai	414.315.765.456	417.103.186.312
Khu vực khác	185.574.437.922	184.645.698.653
	2.532.613.197.218	2.286.554.938.139

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Doanh thu khí hóa lỏng	1.955.696.672.936	1.388.659.488.490
Doanh thu xăng dầu nhớt	59.177.892.317	45.408.349.985
Doanh thu phân bón	6.256.651.801	9.868.323.813
Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	638.386.920.741	5.369.951.383
Doanh thu khí CNG	-	49.255.168.016
Doanh thu khác	4.419.471.566	8.605.266.985
Doanh thu thuần	2.663.937.609.361	1.507.166.548.672

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.837.534.822	2.865.159.931
Lãi trái phiếu, cổ tức và lợi nhuận được chia	-	9.558.225.000
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	1.169.418.041	108.679.504
Lãi chênh lệch tỷ giá đoái chưa thực hiện	-	1.451.931.188
Doanh thu hoạt động tài chính khác	85.977.202	-
	18.092.930.065	13.983.995.623

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lãi tiền vay	45.218.928.149	7.792.194.945
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	654.607.472	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	2.794.690.801	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.374.923.012	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.895.349.986	14.013.930
	54.938.499.420	7.806.208.875

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Dưới đây là một số khoản mục chi phí chủ yếu phát sinh trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí mua khí hóa lỏng	2.456.816.153.092	1.326.159.813.733
Chi phí mua xăng, dầu, nhớt	64.856.987.276	49.270.485.334
Chi phí nhân viên	42.970.358.816	16.854.708.344
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	13.345.772.022	10.134.096.242
Chi phí thuê kho	-	11.607.835.573
Chi phí vận chuyển	-	6.866.452.446
Chi phí khấu hao	55.557.630.443	5.124.785.528

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	26.198.492.733	504.559.232
Thuế TNDN bổ sung sau quyết toán	181.100.179	-
	26.379.592.912	504.559.232

Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, công ty mẹ, có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh của khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế TNDN là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế một năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Công ty CP CNG Việt Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty CP CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trong kỳ		29.965.839.924
Cộng: Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	4.374.923.012	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	147.936.836.527	29.965.839.924
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.577.440	15.125.777
Lãi trên cơ bản cổ phiếu	4.278	1.981

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Bán hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty Cổ phần	-	611.361.594
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	-	4.335.617.113
Công Ty TNHH MTV Thương Mại và DV Dầu Khí Biển	301.923.056	-
Mua hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty cổ phần	-	9.747.000.000
Tổng Công ty dầu Việt Nam	-	50.857.550.000
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	-	4.031.789.260
Ban quản lý nhà máy Lọc Dầu Dung Quất	-	766.894.891.911

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty kinh doanh sản phẩm Khí	852.222.686.397	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	6.747.730.294	-
Công ty TNHH Thăm định giá Việt Nam	54.545.455	-
Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng dầu khí	38.625.481.008	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	933.212.678.523	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2.348.232.755	1.880.876.534
---	----------------------	----------------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND

Phải thu

Công ty CP Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc	-	355.944.315
---	---	-------------

Phải thu khác

Công ty TNHH MTV Thương mại và Dầu khí Biển	-	1.090.877.209
---	---	---------------

Phải trả

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
---	--	--

- Vay dài hạn	299.046.350.966	327.060.350.966
---------------	-----------------	-----------------

- Lãi vay dự trả	5.112.375.607	4.197.196.769
------------------	---------------	---------------

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam		
------------------------------------	--	--

- Phí sử dụng nhãn hiệu	9.351.232.108	2.603.501.814
-------------------------	---------------	---------------

Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	377.272.568.457
---------------------------	---	-----------------

Công ty CP Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc	-	629.640.000
---	---	-------------

Xí nghiệp Phân phối khí Thấp áp Vũng Tàu	-	49.445.121.017
--	---	----------------

Công ty CP DV vận tải dầu khí Cửu Long	-	39.000.000
--	---	------------

Công ty Bảo Hiểm DK Vũng Tàu	-	581.371.709
------------------------------	---	-------------

Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	267.298.400.364	362.075.872.640
---------------------------------------	-----------------	-----------------

Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng Dầu khí	11.599.750.571	9.111.721.462
---	----------------	---------------

Công ty cổ phần tư vấn và thiết kế Dầu khí	-	1.787.404.251
--	---	---------------

Công ty kinh doanh sản phẩm Khí	460.348.980.997	-
---------------------------------	-----------------	---

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.367.272.533	464.364.096
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.355.171.133	849.849.907
Sau năm năm	26.287.280.681	-
	43.009.724.347	1.314.214.003

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất, văn phòng và cơ sở hạ tầng:

- Tổng số tiền thuê 3.200 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 1 tháng 8 năm 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4 PetroVietnam Tower, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 351 Đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu với giá thuê hàng tháng là 2.500 đô la Mỹ trong năm đầu tiên (từ ngày 20 tháng 12 năm 2008 đến ngày 20 tháng 12 năm 2010) và 2.750 đô la Mỹ trong năm thứ 2 và năm thứ 3 (từ ngày 21 tháng 12 năm 2010 đến ngày 20 tháng 12 năm 2011).
- Tổng số tiền thuê cơ sở hạ tầng với diện tích 6.800 m² tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng tháng là 163.253.133 đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 20 năm tính từ ngày 7 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 13.180 m² đất tại cảng Đồng Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 4,95 đô la Mỹ/m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 20 năm tính từ năm 1994.
- Tổng số tiền thuê 5.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 0,82 đô la Mỹ/m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 13 năm tính từ ngày 1 tháng 7 năm 2002.
- Tổng số tiền thuê văn phòng 247 m² tại tòa nhà Waseco, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê hàng năm là 21 đô la Mỹ/m². Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2009.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

	31/12/2010 (sau phân loại) VNĐ	31/12/2010 (trước phân loại) VNĐ
Bảng cân đối kế toán		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	63.652.852.528	50.040.701.639
Đầu tư dài hạn khác	-	17.254.328.270
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(2.401.110.827)

34. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 19 tháng 8 năm 2011.



Đoàn Văn Nhượng
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Đăng Trinh
Kế toán trưởng